



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

IV#: 084132

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN MANH TUNG
Last Middle First

Current Address: 22/13 P. 3 Tân Bình TP HCM

Date of Birth: _____ Place of Birth: _____

Previous Occupation (before 1975) _____
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From _____ To _____
Years: _____ Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6.. ADDITIONAL INFORMATION :

ODP CHECK FORM

Date: April 20 1989

To: MR. DANIEL SULLIVAN
RP/RAP/SEA (ODP)
Department of State
Washington, D.C. 20520

From: Families of Vietnamese Political Prisoners Association
P.O.BOX 5435 - Arlington, Virginia 22205-0635

Name: NGUYEN - MANH - TONG

Date of Birth: _____

Address in VN 22/43 Phuong 03 - Tamboh Hochiminh city

Spouse Name: _____

Number of Accompanying Relatives: _____

Reeducation Time: _____ Years _____ Months _____ Days

IV # 0841321

VEWL # _____

I-171 : _____ Yes; _____ No. - EXIT PERMIT: _____ Yes ; _____ No.

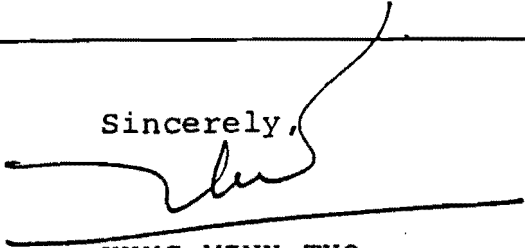
Special List # _____

Sponsor: _____

Remarks: _____

(From Mr. Sullivan) _____

Sincerely,


KHUC MINH THO

Tel. # 358-5154 (O) - 560-0058 (H)

The list of the political prisoners and US personnel in Vietnam, they have been LOI by ODP. But the Vietnamese authority delay. Would you please consider to intercede with the Vietnamese authority for them leave from Vietnam.

1. VU VAN ANH, IV69718, 45/36 Nguyen van Dau, Quận Bình Thạnh, Hochiminh City
2. THAI VAN A, IV89582, 308/19 Cach Mang 8, quận 3, Hochiminh City.
3. NGUYEN VAN BINH, IV127221, 98/3 Cach Mang 8, Quận Tân Bình, Hochiminh City
4. HA TUONG CAT, IV.057490, 26/62 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1 Hochiminh City
5. PHAN VAN CUY, IV47947, 20/E, 117 Dương 3/2, Quận 10, Hochiminh City
6. DINH HOP, IV 50267, 355/11 Nguyen Minh Chieu, phường 11, Tân Bình HCM. City
7. VU MANH HUNG, IV036575, 650/21, Dien Bien Phu, Quận 10, Hochiminh City.
8. LUONG THI HANG, IV555917, 8 Thai Van Lang, Quận 1, Hochiminh City.
9. TRAN CONG HIEN, IV68843, 220/IOA Hoang Dao, Quận 3, Hochiminh City.
10. LAM VAN HAO, IV75381, 64 Cao Thang, Quan 3, Hochiminh City.
11. LAM ĐỨC HIỆT, IV45146, 77 Lê Văn Sĩ, phường 13, Phú Nhuận, Hochiminh City
12. NGUYỄN PHUC HUNG, IV66980, 131/4, Thích quang Đức, Phu Nhuận, Hochiminh City
13. PHAM VAN KHUE, IV083603, 233/29A Nguyễn Trãi, P.15, Q.11 TP.Hochiminh
14. VU VAN MINH, IV50735, 45/36, Nguyen van Dau, Quận Bình Thạnh, Hochiminh City
15. HUYNH BA PHUOC, IV86358, 80/32A, Tran quang Dieu, Quan 3, Hochiminh City.
16. NGUYỄN QUANG PHUNG, IV217179, 41/8, Tổ 9, phường 12, Go Vấp Hochiminh City
17. NONG AN PANG, IV 78298, J3, Cư xá Tô Hiến Thanh, Quận 10, Hochiminh City
18. VU VAN QUANG, IV37432, 179/33 Mai Văn Ngọc, quận Phú Nhuận, Hochiminh City
19. HA NGOC PHU, IV94169, 48/3, khóm 3, Phường 2, Sađéc. Tỉnh Đồng Tháp, Vietnam
20. NGUYEN TRONG PHUOC, IV53609, 83 Ky Con, Quận 1, Hochiminh City.
21. NGUYEN QUANG THIEU, IV54918, 453/55, Nguyen van Troi, Quận 3, Hochiminh City
22. PHAN VAN TRICH, IV70922, 483/7 Lê Van Sĩ, Quận 3, Hochiminh City.
23. NGUYEN MANH TONG, IV84132, 22/13, Phường 3, Quận Tân Bình, Hochiminh City.
24. LE VAN TAN, IV115732, 102/26A, Ho Biểu Chánh, Phú Nhuận, Hochiminh City.
25. TRAN NGOC UYEN, IV210095, 278 Hoa Hưng, Quận 10, Hochiminh City.
26. NGUYEN HUY HOANG, IV228698, 59/9 Nguyen Binh Khiem, Quận 1, Hochiminh City
27. NGUYEN THI THOA, IV204254, 232 Cach Mang 8, Phường 5, Tân Bình, Hochiminh City
28. LE VAN THANH, IV215932, 60/147G Tuệ Tĩnh, phường 13, Quận 11, Hochiminh City
29. PHAM KHAC HIEN, IV202814, 107/1 ấp Bau Nai, Dong Hưng Thuận, Hocmon, HCM City
30. PHAM HUU QUYNH, IV37281, 183C/10E, Ton That Thuyet, Phường 4, Quận 4, HCM City
31. VU KIM TOAN, IV122371, 52 Duy Tân, Quận 3, Hochiminh City.
32. NGUYEN BANG DZUC, IV046945, 18/12B, Thích Quang Đức, Phu Nhuận, HCM City
33. VU KHAC NHUONG, IV72675, 331/4.C Lê Văn Sĩ, Quận 3, Hochiminh City.
34. DAO NHUONG, IV538997, 148 Ba Hat, Phường 9, quận 10. Hochiminh City.

Representative Association Vietnamese former political prisoners.

The second list of the political prisoner
in Vietnam. They have the letter of introduction of CDP.
Would you please consider to intercede with the Vietnamese
authority for them leave from Vietnam as soon as possible.

- 35 NGUYEN BA VAN, IV5I4349, 22/20 cư xá Lữ Gia, P.15, Quận 11, Hochiminh City.
- 36 VO HONG DIEP, IV 235706, 65 Tran quang Diệu, Quận 3, Hochiminh City.
- 37 VU DANG THANG, IV5I5082, 650/21 Dien Bien Phu, P.14, Quận 10, Hochiminh City.
- 38 VU THE CAN, IV 5I446I6, 650/21, Dien Bien Phu, P.14, Quận 10, Hochiminh City.
- 39 NGUYEN THI LE, IV56I02, 85/17, Ấp 1, Xã Long thành Mỹ, Thủ Đức, HCM.City
40. TRAN VAN THUA, IV113283, 16/3B, Tổ 4, Ấp Đình, Xã An Khanh, Thủ Đức HCMCity.
41. HOANG NGOC LIEN, IV211925, 166 Cách mạng tháng 8, P.12, Tân Bình, HCMCity.
42. NGUYEN THI LY, IV 59490, 489-A/23/129, Nguyen Huynh Đức, P.13, Phú Nhuận "
- 43 NGUYEN CAO DINH, IV-128428, 611/1E Dien Bien Phu, P.OI, Quan 3, HCM City
44. NGUYEN KIAC TU, IV-64I99. 4/47/70. F.7, Quận Tân Bình. TP. Hochiminh.
45. PHAN VAN CU, IV-219107, 29c Thu Khoa Huan, Phan Thiet, Thuận Hải, Vietnam.
46. LE NGOC DAM, IV-38723, 8I Tran Quoc Tuan, Quan Govap, Hochiminh City.
- 47 NGUYEN DINH LANG, IV-45785, 219 Le quang Dinh, Q.Binh Thanh, Hochiminh City.
- 48 NGUYEN VAN HUAN, IV-54I26, 105 lo U, chung cư Ngo Gia Tư, P.12, Q.10 "
- 49 LE NGOC THANH, IV-127640, BB-6 cư xá Bắc Hải, P.15, Q.10, Hochiminh City.
- 50 NGUYEN DINH LANG, IV-45785, 219 Le quang Dinh, Q.Binh Thanh, HCM.City.
- 51 TA HOAN HY, IV-117054, 1120 Ap Tam Ha, Xã Tam Bình, Q.Thu-Đức, HCM City.
52. DOAN QUANG THANG, IV-116244, 8I Nguyen Chi Thanh, phường 5, Vinh Long, Cửu long.

Redmond, January 27, 1989
Representative of the VN. former political prisoners

Khangquyn

Nguyen Kha

27-1-1989

Kính gửi Bà Khúc Minh Thảo
Chủ tịch Hội Gra Đình TNCTVN.

Thưa Bà,

Như theo thư trước đây, tôi có gửi đến Hội một danh sách gồm những anh chị em tù nhân, trong đó chỉ có một gra đình (số 8) chỉ Lương Thị Hằng, là nhân viên làm cho USIS "Cần Thơ". Trong danh sách này, anh chị em yêu cầu rằng xin cho họ biết họ có được ghi trong danh sách 11.000 tù nhân và 40.000 thân nhân của tù nhân đã được Hoa Kỳ gửi cho Hanoi vào thg 8/1988?

Cũng theo danh sách này anh chị em đã được cấp LOI do ODP. Có người đã được cấp từ vài năm nay!

Chúng tôi cũng mới đọc thư của Hội hữu VNTP. rất cảm thông sâu xa với Hội. Vì tôi thấy rằng chỉ có một số anh chị em liên lạc với chúng tôi, để chuyển đạt hồ sơ của họ, những chi phí tìm thư, photocopy... đã thấy nan giải. Thường chỉ tại Hội phải giải quyết cho 5, 6 ngàn hồ sơ!

Với thân phận một chim bìm bịp già (sinh 1914) mất vợ từ năm đầu thg 1982. Cũng không có nơi nào muốn làm việc. Tôi đánh chữ ít xin gửi đến quý Hội 410 để mua tiền thư cho anh chị em tù nhân.

(Trong danh sách số 19, anh Hà Ngọc Phú đồng hương Sadee)

Xin ông Trần Chai phúc cho Bà và quý Hội đạt nhiều thành quả cứu giúp anh chị em tù nhân bên nhà sớm tươi cười.

Kính kst 52 của tù nhân + bìa thư cũ tìm.

Trần Trọng
Nguyễn Kha

Xin miễn đăng thư này trên báo.
Cảm ơn Bà

MARIA HIEP NGUYEN TRAN		352
PHONE 881-1534		
1/29 1989		19-7117/3250
Pay to the order of	Hội Gra Đình Tù nhân CTVN.	\$110 ⁰⁰
Ten no/leo		Dollars
Overlake Park Branch Puget Sound Bank Puget Sound Savings Bank 15110 N.E. 24th Street Redmond, Washington 98052		
For	Nguyễn Kha	MJ

Ng Tron Kha gin.
khô v Computer
dioc vi thien
documents.



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN HANH TONG
Last Middle First

Current Address: 22/13 Q. 6. Q. Tân Bình HCM City.

Date of Birth: 04/11/41 Place of Birth: Hòn Gai

Previous Occupation (before 1975) Captain
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06/24/75 To 04/09/83
Years: 8 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: NGUYEN DUC TRINH
Name

Address and Telephone Number _____

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON VA 22205 - 0635.
TELEPHONE:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ Board of Directors

KHUC MINH THO
TRẦN KIM DUNG, MS
NGUYỄN XUÂN LAN, MA
TRẦN NGOC DUNG, MA
MISS LÊ VĂN HUNG
NGUYỄN QUYNH GAO
TRẦN THỊ PHƯƠNG
HUYNH KIM CHİ
TRẦN THỊ PHƯƠNG
HUYNH KIM CHİ
DUONG MY-LINH SOLANO

Mẫu ĐƠN XIN GIA-NHẬP GỬI ĐẾN HỘI

HỘI GIA-ĐÌNH TÙ-NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM

8888888888

Hội Gia Đình Tù Nhân Chính Trị Việt Nam hoạt động bất vụ lợi, tuân theo hiến pháp và nhân đạo nhằm mục đích yêu trợ cho việc trả tự do cho tù nhân chính trị Việt Nam và đoàn tụ gia đình.

Hội thiết tha kêu gọi Cộng Đồng hưởng ứng hoạt động của Hội bằng cách tham gia tích cực và trở thành Hội Viên. Nếu quý vị nào muốn gia nhập Hội, xin cho biết những chi tiết sau đây:

Họ và Tên: NGUYỄN ĐỨC TRINH
Địa chỉ: _____

Điện thoại: (số) _____ (nhà) _____
Tên thân nhân trong danh sách tù nhân chính trị của Hội: NGUYỄN - MANH - TONG
Liên hệ gia đình với tù nhân chính trị: _____
(Chà, Mẹ, Vợ, (Anh), Chị, Em v.v.)

Xin quý vị cho biết quý vị có thể đóng góp bằng cách nào cho Hội: tùy theo ý muốn và lòng hảo tâm của quý vị.

Thời gĩ: _____
Niên liam: _____ (\$12.00)
Đóng góp ủng hộ: 40 (tùy ý)

Thổ tử, ngân phiếu xin gói về:

Hội Gia Đình Tù Nhân Chính Trị Việt Nam
P.O. BOX 5435, ARLINGTON VA 22205
TELEPHONE:

Ban Chấp Hành T.Ư. Executive Board

KHUC MINH THO
President
TRẦN KIM DUNG, MS
Vice-President
NGUYỄN QUYNH GAO
Vice-President
TRẦN NGOC DUNG, MA
Secretary General
NGUYỄN XUÂN LAN, MA
Deputy Secretary
TRẦN THỊ PHƯƠNG
Treasurer
HUYNH KIM CHİ
Deputy Treasurer

Cố Vấn Đoàn Advisory Committee

DUONG MY-LINH SOLANO, ESQ.

Cố Vấn Đoàn Advisory Committee

DUONG MY-LINH SOLANO, ESQ.

RECEIVED
90 + Card
6/29/85
MAY 14 1985

MẪU ĐƠN VỀ LÝ LỊCH GỬI ĐẾN HỘI
TUY Ý MUỐN GỬI HAY KHÔNGHọ sơ bộ theo
Ngã Mạnh Tông

N.B. PLEASE DO NOT SEND THIS FORM IF YOU DO NOT WISH TO PROVIDE INFORMATION.

PRISONER'S NAME (TÊN TÙ NHÂN) : NGUYỄN MANH TONG
 Last (Tên Họ) Middle (Giữa) First (Tên gọi)
 DATE, PLACE OF BIRTH : 04 11 1941 HON GAI
 (NĂM, NƠI SINH ĐẸ) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)
 SEX (NAM hay NỮ) : Male (Nam) : X Female (Nữ) :
 MARITAL STATUS : Single (Độc thân) : Married (có lập gia đình) : X
 (Tình trạng gia đình)
 ADDRESS IN VIETNAM : 22/13 Đường 6 Quận Tân Bình HO CHI MINH CITY
 (Địa chỉ tại VN)

POLITICAL PRISONER (Có là tù binh tại VN hay không) : (Yes) (Có) X No (Không)
 If yes (Nếu có) : From (Từ) : 06/24/1975 To (Đến) : 04/9/1983

PLACE OF RE-EDUCATION : HÀM TÂN
 CAMP (TRẠI TÙ)

PROFESSION (Nghề Nghiệp) : GENERAL POLITICAL warfare department - information and public relations bloc.

EDUCATION IN U.S. : information officer basic FOR #2 in 1969 at information school
 (DU HỌC TẠI MỸ) Fort Benjamin Harrison INDIANA

IN ARMY (Quân đội VN) : Rank (Cấp Bậc) : 'CAPTAIN' ĐẠI ÚY GI' QUAN BÁO CHÍ

IN GOVERNMENT : Position (Chức vụ) : ĐẠI ÚY GI' QUAN BÁO CHÍ Date (Năm) 1973
 (Trong chính phủ VN)

APPLICATION FOR O.D.P. : Yes (Có) : YES IV Number (số hồ sơ) : 084-132 No (Không) :

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING : (Số người đi theo) : 5

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES (Tên thân nhân tháp tùng) Xin ghi ở trang 2

MAILING ADDRESS IN VN : 22/13 Đường 6 - TÂN BÌNH - HO CHI MINH CITY
 (Địa chỉ liên lạc tại VN)

NAME ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE : NGUYỄN, DUC TRINH
 (Tên, Địa chỉ Thân nhân hay Người Bảo Trợ)

U.S. CITIZEN : (Có quốc tịch Hoa Kỳ) : No (Không) : NONE

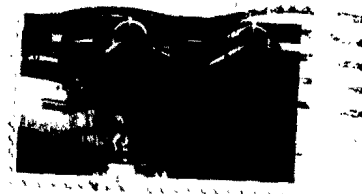
RELATIONSHIP WITH PRISONER : (Liên hệ với người ở VN) : Brother in law

NAME AND SIGNATURE : NGUYỄN, DUC TRINH
 ADDRESS OF INFORMANT
 (Tên, Địa chỉ, Chữ Ký, ở của người điền đơn này)

DATE : 12/19/83

1. NGUYEN, MANH TONG	04 - 11 - 1941	HONAI QUANG YEN	BROTHER-IN-LAW
2. NGUYEN, THI DAU	09 - 18 - 1950	BACHU	SISTER
3. NGUYEN, MANH TOAN	03 - 30 - 1973	BINH HOA	NEPHEW
4. NGUYEN, THI HONG HAO	02 - 21 - 1975	"	NEPHEW
5. HOANG, THI TAM	02 - 1 - 1981	NAM DINH	MOTHER-IN-LAW

F: TRINH NGUYEN



TO : HQ.D.TN.C.TVN
FVNPPA
PO BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205

RECEIVED

Ngày 1 Tháng 3 năm 1985

Kính thưa Bà,

Tôi đang ở ~~ở~~ Bà và đã đi qua một người bạn ở Saigon. Ông bạn này đã
giới thiệu đến Bà nhờ giúp đỡ và đã đặt chiếc kết quả này. Hôm nay, tôi
viết thư này gửi đến Bà xin Bà vui lòng giúp đỡ tôi, một người trước
đang phục vụ ~~hàng~~ quân đội VNCH và đã cải tạo 8 năm trong các trại
giam giữ Bắc và Nam/VN. Chắc Bà cũng đã rõ hoàn cảnh khó khăn hiện
nay của tôi. Từ ngày được thả khỏi trại cải tạo đến nay, cuộc sống rất
bơ vơ, nay làm cái này mai làm cái khác, kiếm sống thật vất vả. Về
tôi, trong hoàn cảnh hiện nay, phải buôn thúng bán bưng, gánh hàng rong trong
các đường phố để vừa nuôi gia đình, vừa kiếm tiền thuốc thang cho
mấy cháu nhỏ, già vất vả mà cũng không đủ sống. Với khả năng cá nhân
tôi, thì việc rời khỏi VN khó khăn vô cùng nên không có sự giúp đỡ ở
bên Mỹ. Tôi cũng xin phép được trình bày với Bà. Tôi và gia đình (1 vợ + 2
con) và gia đình bên vợ tôi đã được người em họ bảo lãnh (qua sự
bảo hộ của cơ quan USCC-Hoa Kỳ) và đã đăng ký xuất cảnh hợp pháp từ
VN từ tháng 4/1984. Hộ sơ đã được chuyển lên Sở Ng cai tù và hiện nay
đang chờ đợi để bỏ tù. Tôi và gia đình cũng đã có sổ hộ sơ IV tại
Bangkok, Thailand gửi về. Tôi được biết là em bảo lãnh qua diện anh em
hiện nay rất khó khăn và ít hy vọng, nhất là ~~câu em~~ và tôi chưa
nhập quốc tịch Mỹ. Hơn nữa, câu em và tôi ~~vẫn~~ ít ở, không
hiển rõ về những hiệp hội ở Mỹ để có thể giúp đỡ được những người
như tôi. Hiện nay câu ấy đang cư ở New Orleans - Louisiana. (Địa chỉ:
TERMIN DUC NGUYEN 5135 East Lemans - New Orleans - L.A. 70129)
Và vậy, tôi tin rằng với sự quen biết và uy tín của Bà đối với hội Cựu
tù nhân chiến tranh VN ở Mỹ, Bà sẽ giúp đỡ tôi và gia đình tôi được
nhiều may mắn.

Thưa Bà, tôi xin gửi đến Bà một tờ questionnaire, một gậy ra trại,
một mẫu bảo lãnh của USCC và một tờ sao số IV - BANGKOK - THAILAND.
Tất cả những thứ này tôi đã nộp đăng ký xuất cảnh ở VN. Xin Bà vui
lòng xem xét, nếu có gì thiếu sót, xin Bà vui lòng bổ sung giúp. Tất cả những
huyền bí của tôi về Bà, chỉ là sự khởi đầu và vì vậy trong thư này có điều gì
thiếu sót và vô ý, xin Bà vui lòng tha thứ.

Một lần nữa, tôi và gia đình xin thành thật cảm ơn Bà, kính chúc
Bà và gia quyến mọi sự an vui.

Kính,
Wuu

* Còn một điều tôi cũng xin trình bày Bà rõ, là ông tôi bảo lãnh của tôi

không có tên mẹ tôi là Bà HOANG TRỊ TÂN, vì do sự thiếu sót khi
câu em vô bảo kính. Câu ấy có lần 1 tôi bỏ tên và sẽ gửi về sau.
Tuy vậy, trong tờ Questionnaire này, tôi vẫn để tên Bà mẹ tôi vào.
Nếu có gì trở ngại, xin Bà cứ tự ý sửa đổi. Cảm ơn Bà.

TR 202
N. Nguyen

6. Date/Place of birth : April - 11 - 1941
 7. Position / Rank / Ser No (before April 1975) : PRESS OFFICER
 CAPTAIN - 61/115580
 8. Last position/unit of service : PRESS OFFICER / GENERAL POLITICAL
 WARFARE DEPARTMENT / SAIGON / 2 ter Thong Nhat Street.

Training in USA : IOB #2 (1968-1969) in The Information School -
 Fort Benjamin Harrison - Indianapolis - Indiana - USA

9. Date to be arrested : JUNE 24 - 1975
 10. Date to be released : APRIL 09 - 1983 from camp HAM TAN Z30C
 11. Present mailing address of ex-political prisoner in VN :
 22/13 phường 6 quận Tân Bình - HO CHI MINH City
 12. List full name DOB/POB of ex-political prisoner's immediate family and
 father/mother.

Nº	NAME	DOB	POB	Relationship	Address in VN
1	Nguyễn Mạnh Tông	Apr 11 - 1941	HONGAY	-	
2	Nguyễn Thị Đào	Sept 18 - 1950	HA NAM NINH	WIFE	22/13 phường 6, TÂN BÌNH
3	Nguyễn Mạnh Toàn	Mar 29 - 1973	GIA DINH	SON	
4	Nguyễn Thị Hồng Hào	Feb 21 - 1975	GIA DINH	DAUGHTER	HO CHI MINH City
5	Hoàng Thị Tâm	Feb 01 - 1921	NAM DINH	MOTHER	
6	Nguyễn Đức Lân	DEC 20 - 1924	HA NAM NINH	FATHER-IN-LAW	453/66 Nguyễn Kim
7	Ngô Thị Nguyệt	Mar 10 - 1930	HA NAM NINH	MOTHER-IN-LAW	Trần, phường 2
8	Nguyễn Thị Kim Thanh	Jul 18 - 1960	SAIGON	SISTER	quận 3
9	Nguyễn Thị Huyền Trang	Apr 15 - 1962	SAIGON	SISTER	
10	Nguyễn Thị Kiên Trinh	Jan 07 - 1964	SAIGON	SISTER	HO CHI MINH city
11	Nguyễn Thị Phương Trâm	Nov 02 - 1965	SAIGON	SISTER	
12	Nguyễn Phúc Hậu	Sept 21 - 1967	SAIGON	BROTHER	

13. Have you admitted any application for re-unification? : yes - WX HAV
 14. If you have : a). ODP/BANGKOK IV Nº 084132 (07.07-1984)
 . ODP/BANGKOK IV Nº 075826 (05.01-1984)
 b). USCC AFFIDAVIT of RELATIONSHIP subscribed Feb 17.1

15. Comment / Recommendation

TRINH DUC NGUYEN

Trinh Duc Nguyen

SIGNATURE of info-provider



MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

ODP-IV No. _____
(If known)

1312 MASSACHUSETTS AVENUE, N.W. • WASHINGTON, D.C. 20005

ORDERLY DEPARTURE PROGRAM (Vietnam)

AFFIDAVIT OF RELATIONSHIP

Diocese of: NEW ORLEANSName: Mr/Mrs/MS TRINH, NGUYEN DUCPhone (home) 254-8995
(work) _____

Address _____
 Number _____ Street _____ County/City _____ State _____ Zip 70129
 Date of Birth: AUG 04 1957 Place of Birth: SAIGON - VIET NAM
 Date of Entry to U.S. JULY 23 1981 Alien Number A 25 191 665
 Naturalization Certificate Number (If Applicable) _____

Legal Status Parolee ☐ Permanent Resident Alien ☒ U.S. Citizen ☐

In filing this Affidavit for the following relatives still in Vietnam to come to the United States, under the ORDERLY DEPARTURE PROGRAM (ODP) I include a copy of my ☐ I-94 (both sides) ☐ I-151 (Permanent Resident Alien Card)

	Sex	Date/Place of Birth	Relation to you	Address in Vietnam
TRUYEN, THI LAN	F	SEP 18 1950 HA NAM NANG	SISTER	22/13 PG TAN BI HO CH MINH CITY
TRUYEN, MINH TOAN	M	MAR 29 1973 GIA NINH	Nephew	22/13 PG TAN BI HO CH MINH CITY
TRUYEN, THI HANG HAO	F	FEB 21 1975 GIA NINH	Nephew	22/13 PG TAN BI HO CH MINH CITY
TRUYEN MINH TOAN	M	APR 11 1941 ^{Quang Nam} HO CH MINH	BROTHER IN LAW	1

I swear that the information in this statement is true to the best of my knowledge, and understand that any false statement could jeopardize my immigration status in the United States.

Your Signature _____

Subscribed and sworn to before me this

17 day of February, 1984.

My or Seal of Notary _____

Signature of Notary Public _____

MY COMMISSION IS FOR LIFE

My commission expires: at death

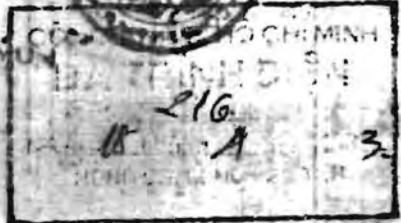
Any change of address should be reported immediately to USCC National Office and the local USCC Diocesan Resettlement Office.

USCC FORM A (6/78)

trai Ham
khởi nghiệp
8/7/83
h

G I A

theo thông tư số 966-BCu/TTC ngày 31/1/76 của Bộ Nội vụ
thi hành quyết định tha số 254/QĐ ngày 1/3/83 của Bộ Nội vụ
nay cấp giấy tha cho anh có tên như sau:



Họ tên khai sinh: NGUYỄN VĂN MINH
Họ tên thường gọi:
Họ tên mai bị danh:
Năm sinh: 1941
Nơi sinh: Quảng Ninh
Trú quán: 22/13 Phường 6 - Quận Tân Bình - T/P Hồ Chí Minh
Cán bộ: Đại úy sỹ quan báo chí
Bị bắt: 24/06/75
án phạt: TTCT
Nay về cư trú tại: 22/13 Phường 6 - Quận Tân Bình - T/P Hồ Chí Minh.

NHAN XÉT QUÁ TRÌNH CẢI TẠO

Tư tưởng: quá trình cải tạo chưa có biểu hiện gì xấu tin tưởng và
đường lối giáo dục của cách mạng.
Lao động: Tham gia đảm bảo gây công hoàn thành công việc được g
Tội quy: chấp hành nghiêm không sai phạm gì lớn.
Học tập: Tham gia học tập để nâng cao trình độ chuyên môn khác.
Đã được 12 tháng.

Đã tay ngón trở phải. Họ tên chữ ký của người. / / ngày
Của: NGUYỄN VĂN MINH được cấp giấy

18/1/83
TÀI LỆ: PHẠM H

Trần Văn

NGUYỄN VĂN MINH
55 230 210

CHƯƠNG TRÌNH BỔ TÚC Y BẢN CHÍNH

Xuất bản: 1981

Năm 1981

5-Q. TÂN BÌNH

THƯ KÝ



Phạm Văn Loát

Tên Người Đứng Đơn ở Hoa Kỳ: NGUYỄN ĐỨC TRINH
 Địa Chỉ: _____
 Tuổi của Người Đứng Đơn: 1967 (26) Nơi Sinh: SAIGON
 Ngày Người Đứng Đơn tới Hoa Kỳ: 1981
 Từ đâu tới: VIỆT NAM (Nước nào) (INDONESIA (GALANG)) (Trại Ty-Nạn Nao)
 Số "Alien Registration" (Ghi trên Mẫu I-94 hoặc Thẻ Xanh): A-25 191 665
 Số Chứng-Chỉ Nhập-Tích Mỹ (Nếu có): _____
 Quy-chế Hiện-tại của Người Đứng-Đơn: _____

Xin đánh dấu /X/

☒ Ty-nạn (Chứa có quy-chế Thường-trú-nhân)

☒ Thường-trú-nhân (Đã có Thẻ-Xanh)

Chú-thích: Dù đã có làm đơn Mẫu I-130, ☐ Công-dân Hoa-Kỳ
 cũng xin điền mẫu này và
 gửi tới USCC/Washington, D.C.

Tôi làm đơn này để xin cho những thân nhân ghi tên dưới đây, hiện
 còn ở tại Việt-Nam được sang Hoa Kỳ đoàn-tụ với tôi, (Tôi chấp nhận để
 tên tuổi những người dưới đây được thông báo cho các giới hữu-trách như
 Cao-Úy- Ty-Nạn Liên-Hiệp-Quốc, hoặc tất cả các cơ-quan, tổ-chức đặc
 trách chương-trình Đoàn-Tụ Gia-Đình, kể cả các giới-chức tại Việt-Nam).

XIN ĐIỀN CẢ BẢN TIẾNG ANH VÀ THI THỰC CHỦ KÝ (trên bản tiếng Anh)

TÊN THÂN NHÂN TẠI VIỆT-NAM	Ngày và Nơi Sinh	Liên-Hệ Gia- Đình với Tôi	Địa-Chỉ Rõ-Ràng và Mỗi-Nhất của Thân-Nhân tại Việt-Nam
1 NGUYỄN ĐỨC LÂN	20-12-1924 HA NAM NINH	CHA	453/66 NGUYỄN VĂN TRỜI
2 NGÔ THỊ NGUYẾT	10-3-1930 HA NAM NINH	MẸ	" " SAIGON 3
3 NGUYỄN THỊ KIM THANH	18-7-1960 SAIGON	EM	" " HO CHI MINH
4 NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	15-4-1962 SG	EM	" " "
5 NGUYỄN THỊ KIỀU TRINH	7-1-1964 SG	EM	" " "
6 NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRÂM	2-11-1965 SG	EM	" " "
7 NGUYỄN PHÚC HẬU	21-9-1967 SG	EM	" " "

Người làm đơn ký tên: Nguyễn Đức Trinh Ngày làm đơn: 11-11-83

UNITED STATES ORDERLY DEPARTURE PROGRAM

OPR ID = SIR
RUN DATE: 07/07
PAGE NO. 1

EN IN VIETNAM

WORKSHEET FOR FILE NUMBER IV 084132

SPONSOR IN THE UNITED STATE

I

I

I Name: TRINH DUC NGUYEN

I

I DOB: (maddy) AUG 10/1957 COB: N.O. LA

I

I Address:

I

I Telephone (Home): 1254 12995 (Business) / /

I

I Category: REF PRA USC

idyy) 09/18/50 COB: VN

ETNAM

ACCOMPANYING RELATIVES

Sex	DOB	Rel.	COB	FALCON	Documentation				
M/F	MM DD YY	PA		MM DD YY BC	BCT	MC	MCT	GVN	PHOTO
P	09 18 50	PA	VN						
M	04 11 41	HU	VN						
M	03 29 73	SO	VN						
F	02 21 75	SO	VN						

FOR OFFICIAL USE ONLY

ALIEN IN VIETNAM

SPONSOR IN THE UNITED STATES

ty Date: 07/23/81 Rel-Sponsor to PA: BR

I

I

I I-130 AOR AOS BC BCT MC MCT GVN PHOTO

I

I

SRV #: JWL:

2):

(Cat 3-AC):

US Combat AWD: ReEd

OTHER

to

to

to

ASSOCIATION OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONER'S FAMILY

VIETNAMESE POLITICAL PRISONER'S DATA (out-of-camp) IV 084132

1. Full name of information provider: TRINH DUC NGUYEN
2. Naturalization Cert/Alien No: A.25 191 665 (Alien Registration)
3. Present address and phone No.
4. Relationship: BROTHER
5. Full name of ex-political prisoner: NGUYEN MANH TONG
6. Date/Place of birth: April - 11 - 1941 HONGAY, QUANG NINH
7. Position/Rank/Ser No (before April 1975): PRESS OFFICER
CAPTAIN - 61/115580
8. Last position/unit of service: PRESS OFFICER / GENERAL POLITICAL
WARFARE DEPARTMENT / SAIGON / 2 ter Thong Nhat Street
Training in USA: JOB #2 (1968-1969) in The Information School -
Fort Benjamin Harrison - Indianapolis - Indiana - USA
9. Date to be arrested: JUNE 24 - 1975
10. Date to be released: APRIL 09 - 1983 from camp HAM TAN Z 30
11. Present mailing address of ex-political prisoner in VN:
22/13 phường 6 quận Tân Bình - HO CHI MINH City
12. List full name DOB/POB of ex-political prisoner's immediate family and father/mother.

NO	NAME	DOB	POB	Relationship	Address in VN
1	Nguyễn Mạnh Tông	Apr 11 - 1941	HONGAY	-	22/13 phường 6, Tân Bình
2	Nguyễn Thị Châu	Sept 18 - 1950	HA NAM NINH	WIFE	6, Tân Bình
3	Nguyễn Mạnh Toàn	Mar 29 - 1973	GIA DINH	SON	HO CHI MINH City
4	Nguyễn Thị Hồng Hào	Feb 21 - 1975	GIA DINH	DAUGHTER	HO CHI MINH City
5	Hoàng Thị Tâm	Feb 01 - 1921	NAM DINH	MOTHER	453/66
6	Nguyễn Đức Lân	DEC 20 - 1924	HA NAM NINH	FATHER-IN-LAW	Nguyễn Văn Trỗi, phường 3
7	Ngô Thị Nguyệt	Mar 10 - 1930	HA NAM NINH	MOTHER-IN-LAW	quận 3
8	Nguyễn Thị Kim Thanh	Jul 18 - 1960	SAIGON	SISTER	HO CHI MINH City
9	Nguyễn Thị Huyền Trang	Apr 15 - 1962	SAIGON	SISTER	
10	Nguyễn Thị Kiều Trinh	Jan 07 - 1964	SAIGON	SISTER	
11	Nguyễn Thị Phương Trâm	Nov 02 - 1965	SAIGON	SISTER	
12	Nguyễn Phúc Hậu	Sept 21 - 1967	SAIGON	BROTHER	

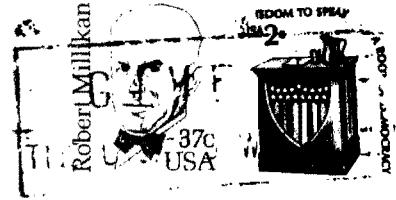
13. Have you admitted any application for re-unification? Yes - WR HAI
14. If you have: a). ODP/BANGKOK IV NO 084132 (07-07-1984)
ODP/BANGKOK IV NO 075826 (05-01-1984)
b). USCC AFFIDAVIT of RELATIONSHIP subscribed Feb 17 -
15. Comment/Recommendation

TRINH DUC NGUYEN

Trinh Duc Nguyen

SIGNATURE of info-provider

TRINH NGUYEN



TO: MRS. KHUC MINH THO
5555 COLUMBIA TKE SUITE
ARLINGTON, VA 22204

KHU 55 23265701 03/26/85
NOTIFY SENDER OF NEW ADDRESS
KHUC MINH THO
PO BOX 5435
ARLINGTON VA 22205-0535

main D
ODP
Card

F

ASSOCIATION OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONER'S FAMILY
VIETNAMESE POLITICAL PRISONER'S DATA (out-of-camp)

1. Full name of information provider: IV.084.132
2. Naturalization Cert./Alien No.:
3. Present Address and Phone No.:
4. Relationship in USA: TRINH DUC NGUYEN
5. Full name of ex-political prisoner: NGUYỄN MẠNH TÔNG
6. Date/Place of birth: April 11. 1941 HONGAY - QUANG NINH
7. Position/Rank/Ser. No (before April 1975): PRESS OFFICER
CAPTAIN - 61/115580
8. Last position/Unit of Service: PRESS OFFICER - General Police
Warfare Department / SAIGON - 2 ter Thong Nhat Street
9. Date to be arrested: JUNE 24. 1975
10. Date to be released: APRIL 09. 1983 from camp HAM TAN Z 30
11. Present mailing address of ex-political prisoner in VN:
22/13 phường 6 quận Tân Bình - HO CHI MINH city.
12. List of full name/DOB/POB of ex-political prisoner's immediate family
father and mother

Nº	NAME	DOB	POB	Relationship	Address in VN
1	Nguyễn Mạnh Tông	Apr 11. 1941	HONGAY		22/13 phường 6
2	Nguyễn Thị Đào	Sept 18. 1950	HANAM NINH	WIFE	quận Tân Bình
3	Nguyễn Mạnh Tuấn	Mar 29. 1973	GIADINH	SON	HO CHI MINH
4	Nguyễn Thị Hồng Hào	Feb 21. 1975	GIA DINH	DAUGHTER	city
5	Hoàng Thị Tâm	Feb 01. 1921	NAM DINH	MOTHER	
6	Nguyễn Đức Lân	Dec 20. 1924	HANAM NINH	Father-in-law	45B/66
7	Ngô Thị Nguyệt	Mar 10. 1930	HA NAM NINH	Mother-in-law	Nguyễn Văn Trãi
8	Nguyễn Thị Kim Thanh	JUL 18. 1960	SAIGON	Sister	phường 22
9	Nguyễn Thị Huyền Trang	APR 15. 1962	SAIGON	Sister	quận 3
10	Nguyễn Thị Kiều Trinh	JAN 07. 1964	SAIGON	Sister	HO CHI MINH
11	Nguyễn Thị Phước Trâm	NOV 02. 1965	SAIGON	Sister	city
12	Nguyễn Phúc Hậu	Sept 21. 1967	SAIGON	Brother	

13. Have you admitted any application for family re-unification?
YES, WE HAVE.
14. If you have: a) ODP/BANGKOK IV Nº 084132 (07.07.1984)
- ODP/BANGKOK IV Nº 075826 (05.01.1984)
b) USCC Affidavit of relationship (ODP) subscribed
on February 17. 1984 and Nov. 11. 1983
15. Comment/Recommendation:

c/o.
by: NGUYEN KHA

Received and transfer
22 march 1985

Signature of info-provider



NATIONAL OFFICE

MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

1312 MASSACHUSETTS AVENUE, N.W. • WASHINGTON, D.C. 20005

202/659-6825

Telex: 710 822 1164 ATTN: MRS

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

He was a former Captain Press of Vietnamese

Applicant in Vietnam NGUYEN MANH TONG
Last Middle First

Current Address 22/13 Phung 6, Quan Tan Binh, Ho Chi Minh City Vietnam

Date of Birth 4-11-41 Place of Birth HONGAY Vietnam

Names of Accompanying Relatives/Dependents

Time Spent in a Re-education Camp: Dates: From in Ham Tan, Thuan Hai, Vietnam
June 24, 75 To 4-9-83

Names of Relatives/Acquaintances in the U.S.

NAME	RELATIONSHIP	NAME	RELATIONSHIP
<u>NGUYEN KHA</u>	<u>T</u>		

Form Completed By: Mr. Kha Nguyen T.

Name

Address

March 23/1985

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

42185

3/3
MAR 27 1985

Kính gửi Ban Chủ Tịch Hội GĐ TNCTVN

Thưa Ban

Xin chuyển đến quý Hội, hồ sơ xin di cư nhập vào Mỹ của các chiến hữu sau đây:

1. PHAN-VAN-TRICH, Thiểu úy Cảnh Sát Đặc Biệt

2. NGUYEN-MAH-TONG, Đại úy, Sĩ Quan Báo Chí -
đã có IV. 084.132.

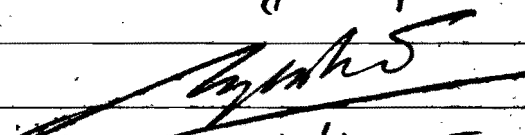
3. NGUYEN-HUY-HOANG, Thiểu úy
(bị tù từ 28.6.75 đến nay chưa được tha)

4. NGUYEN-QUANG-PHUNG, Trung Sĩ Thiết Giáp, Cựu Biệt Động Quân
Sau khi mất miền Nam, chiến hữu Phung gia nhập lực lượng Phục Quốc, bị bắt tại biên vào ngày 13-7-75. Hiện nay đã được tha, nhưng bị quản chế trình diện hàng tuần.

Xin hội đáp lại ta.

+ tùm, bi thư

Chào xây dựng


Linh Quà VNCH.

Mr. Kha Nguyen T.
17614 N.E. 29th
Redmond, WA 98052